

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-LĐT BXH
V/v đăng ký, thực hiện xã, thị trấn
phù hợp với trẻ em năm 2023

Lục Ngạn, ngày tháng năm 2023

Kính gửi: UBND các xã, thị trấn.

Căn cứ Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 17/3/2023 của UBND huyện về thực hiện đánh giá và công nhận xã, thị trấn phù hợp với trẻ em trên địa bàn huyện Lục Ngạn; Chủ tịch UBND huyện yêu cầu:

1. Tổ chức triển khai thực hiện xây dựng xã, thị trấn phù hợp với trẻ em trên địa bàn theo các tiêu chí quy định, trong đó ưu tiên chỉ đạo, triển khai thực hiện các tiêu chí khó đạt như: Tiêu chí 3 (*trẻ em bị xâm hại*); tiêu chí 5 (*trẻ em bị tai nạn thương tích*).

2. Thực hiện đăng ký xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, thị trấn phù hợp với trẻ em năm 2023 theo quy định.

3. Tổ chức thực hiện tự đánh giá, công nhận xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, thị trấn phù hợp với trẻ em theo quy định tại Công văn số 604/TE-PTTG ngày 20/9/2019 của Cục Trẻ em; Kế hoạch số 1386/KH-UBND ngày 04/4/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang. (*Lưu ý: Thời điểm đánh giá tiêu chí số 3 và tiêu chí số 5 là trong kỳ đánh giá, các tiêu chí còn lại tính từ ngày 01 tháng 01 của năm đánh giá đến ngày họp Hội đồng đánh giá; có thang điểm và tiêu chí đánh giá gửi kèm theo*).

4. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện xã, thị trấn phù hợp với trẻ em để kịp thời rút kinh nghiệm trong quá trình triển khai thực hiện; đồng thời đề xuất, kiến nghị với UBND huyện để giải quyết những khó khăn, vướng mắc tại địa phương.

5. Báo cáo kết quả triển khai, thực hiện về UBND huyện (qua Phòng Lao động - Thương binh và xã hội), cụ thể:

- Đăng ký xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, thị trấn phù hợp với trẻ em **trước ngày 30/3/2023**.

- Báo cáo kết quả thực hiện xã, thị trấn phù hợp với trẻ em năm 2023 **trước ngày 15/11/2023**.

Yêu cầu UBND các xã, thị trấn quan tâm nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung trên./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND huyện;
- Như trên (T/h);
- LĐVP, CVTH;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trương Văn Năm

CÁCH TÍNH, THANG ĐIỂM
TIÊU CHÍ XÃ, THỊ TRẤN PHÙ HỢP VỚI TRẺ EM

Tên gọi của tiêu chí	Cách tính và thang điểm	Số điểm
Tiêu chí 1: Nguồn lực thực hiện quyền trẻ em	1. Có bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã: 50 điểm 2. Có bố trí cộng tác viên bảo vệ trẻ em tại thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khóm (sau đây gọi chung là thôn và tương đương): 15 điểm 3. Có ban bảo vệ trẻ em hoặc nhóm chuyên trách bảo vệ trẻ em cấp xã thực hiện tốt chế độ giao ban, đánh giá định kỳ hằng tháng, quý, năm: 15 điểm 4. Có kinh phí (ngân sách nhà nước và vận động xã hội) chăm lo cho trẻ em tại địa phương: 20 điểm	100
Tiêu chí 2: Trẻ em được khai sinh đúng quy định	Tính theo tỷ lệ trẻ em được khai sinh đúng quy định: 1. Từ 98% trở lên: 50 điểm 2. Từ 90% đến dưới 98%: 40 điểm 3. Từ 80% đến dưới 90%: 30 điểm 4. Dưới 80%: 20 điểm	50
Tiêu chí 3: Trẻ em bị xâm hại	Tính theo tỷ suất trẻ em bị xâm hại (là số trẻ em bị xâm hại dưới các hình thức mà người xâm hại trẻ em bị xử lý hành chính hoặc hình sự trên 1.000 trẻ em): 1. Trên địa bàn xã, phường, thị trấn có trẻ em bị xâm hại tình dục hoặc trẻ em bị bạo lực đến mức người xâm hại trẻ em bị xử lý hình sự: 0 điểm 2. Trên địa bàn xã, phường, thị trấn không có trẻ em bị xâm hại tình dục hoặc trẻ em bị bạo lực đến mức người xâm hại trẻ em bị xử lý hình sự và tỷ suất trẻ em bị xâm hại trong kỳ đánh giá: a) Dưới 1/1.000: 125 điểm b) Từ 1 đến dưới 3/1.000: 100 điểm c) Từ 3 đến dưới 5/1.000: 75 điểm d) Từ 5 đến dưới 7/1.000: 50 điểm đ) Từ 7/1.000 trở lên: 30 điểm	125
Tiêu chí 4: Trẻ em vi phạm pháp luật, nghiện ma túy	Tính theo tỷ suất trẻ em vi phạm pháp luật (là số trẻ em vi phạm pháp luật đến mức phải xử lý hình sự, phải áp dụng biện pháp xử lý hành chính: giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đang bị áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính quản lý tại gia đình và trẻ em nghiện ma túy đang áp dụng biện pháp cai nghiện, điều trị nghiện tại cơ sở cai nghiện, gia đình, cộng đồng trên 1.000 trẻ em):	50

	<ol style="list-style-type: none"> 1. Dưới 1/1.000: 50 điểm 2. Từ 1 đến dưới 2/1.000: 40 điểm 3. Từ 2 đến dưới 5/1.000: 30 điểm 4. Từ 5 đến dưới 7/1.000: 20 điểm 5. Từ 7/1.000 trở lên: 10 điểm 	
<p>Tiêu chí 5: Trẻ em bị tai nạn, thương tích</p>	<p>Tính theo tỷ suất trẻ em bị tai nạn, thương tích (là số trẻ em bị tai nạn, thương tích dẫn đến tử vong hoặc bị khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật trên 1.000 trẻ em):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. <i>Trên địa bàn xã, phường, thị trấn có trẻ em bị tử vong do tai nạn, thương tích: 0 điểm</i> 2. Trên địa bàn xã, phường, thị trấn không có trẻ em bị tử vong do tai nạn, thương tích và tỷ suất trẻ em bị tai nạn, thương tích: <ol style="list-style-type: none"> a) Dưới 0,25/1.000: 100 điểm b) Từ 0,25 đến dưới 0,5/1.000: 75 điểm c) Từ 0,5/1.000 trở lên: 50 điểm 	100
<p>Tiêu chí 6: Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tính theo tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp: <ol style="list-style-type: none"> a) Từ 95% trở lên: 50 điểm b) Từ 90 đến dưới 95%: 40 điểm c) Từ 80 đến dưới 90%: 30 điểm d) Từ 70 đến dưới 80%: 20 điểm đ) Dưới 70%: 10 điểm 2. Tính theo tỷ lệ các vụ việc trẻ em bị xâm hại tình dục, bỏ rơi, mua bán được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt kế hoạch can thiệp, hỗ trợ kịp thời: <ol style="list-style-type: none"> a) 100%: 75 điểm b) Từ 75% đến dưới 100%: 60 điểm c) Từ 50% đến dưới 75%: 40 điểm d) Dưới 50%: 0 điểm 	125
<p>Tiêu chí 7: Trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin thuộc chương trình tiêm chủng mở rộng</p>	<p>Tính theo tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin thuộc chương trình tiêm chủng mở rộng (là số trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng so với tổng số trẻ em dưới 1 tuổi):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Từ 98% trở lên: 50 điểm 2. Từ 90% đến dưới 98%: 40 điểm 3. Từ 80% đến dưới 90%: 30 điểm 4. Dưới 80%: 10 điểm 	50
<p>Tiêu chí 8: Trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tính theo tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng theo tuổi): <ol style="list-style-type: none"> a) Dưới 10%: 45 điểm b) Từ 10 đến dưới 14%: 35 điểm c) Từ 14% trở lên: 25 điểm 	75

còi	2. Tính theo tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi): a) Dưới 20%: 30 điểm b) Từ 20 đến dưới 24%: 20 điểm c) Từ 24% trở lên: 10 điểm	
Tiêu chí 9: Trẻ em được khám sức khỏe định kỳ	Tính theo tỷ lệ trẻ em được khám sức khỏe định kỳ (là số trẻ em được khám sức khỏe định kỳ ít nhất một lần trong năm trên tổng số trẻ em): 1. Từ 80% trở lên: 50 điểm 2. Từ 70% đến dưới 80%: 40 điểm 3. Từ 60% đến dưới 70%: 30 điểm 4. Từ 50% đến dưới 60%: 20 điểm 5. Dưới 50%: 10 điểm	50
Tiêu chí 10: Trẻ em đến trường, lớp mầm non	Tính theo tỷ lệ trẻ em đến trường, lớp mầm non: 1. Từ 90% trở lên: 75 điểm 2. Từ 80% đến dưới 90%: 65 điểm 3. Từ 70% đến dưới 80%: 55 điểm 4. Dưới 70%: 40 điểm	75
Tiêu chí 11: Trẻ em được thực hiện quyền tham gia của trẻ em	Tính theo việc tổ chức hoạt động thực hiện quyền tham gia của trẻ em (diễn đàn trẻ em, thăm dò ý kiến trẻ em, câu lạc bộ quyền trẻ em, hội đồng trẻ em, chương trình, hoạt động do trẻ em khởi xướng và thực hiện, các hình thức khác theo quy định) và tỷ lệ trẻ em tham gia: 1. Từ 20% trở lên: 75 điểm 2. Từ 15% đến dưới 20%: 60 điểm 3. Từ 10 % đến dưới 15%: 50 điểm 4. Dưới 10%: 40 điểm	75
Tiêu chí 12: Hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể dục, thể thao dành cho trẻ em	1. Tính theo tỷ lệ thôn và tương đương có Nhà văn hóa - Khu thể thao dành tối thiểu 30% thời gian sử dụng để tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí, thể dục, thể thao cho trẻ em: a) Từ 70% trở lên: 45 điểm b) Từ 50% đến dưới 70%: 30 điểm c) Dưới 50%: 20 điểm 2. Tổ chức ít nhất 02 hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể dục, thể thao cho trẻ em (ngày quốc tế thiếu nhi 1/6, tháng hành động vì trẻ em, tết Trung thu,...): 30 điểm	75
Tiêu chí 13: Mức độ hài lòng của trẻ em và người dân về việc thực hiện quyền trẻ em	Thang điểm: Tính theo tỷ lệ người dân và trẻ em hài lòng về việc thực hiện quyền trẻ em tại địa phương (là số người dân và trẻ em hài lòng trên tổng số người dân và trẻ em được hỏi ý kiến thông qua một hoặc các hình thức: phiếu lấy ý kiến, cuộc họp, gặp mặt, đối thoại hoặc hình thức phù hợp khác):	50

	<ol style="list-style-type: none">1. Từ 80% trở lên: 50 điểm2. Từ 70% đến dưới 80%: 40 điểm3. Từ 60% đến dưới 70%: 30 điểm4. Từ 50 đến dưới 60%: 20 điểm5. Dưới 50%: 10 điểm	
--	--	--